

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC.

APPENDIX 2: interated observation results

Bảng PL2.1: Kết quả quan trắc thành phần môi trường không khí xung quanh
Table PL2.1: Observation results of ambient air composition

Stt No	Ký hiệu điểm quan trắc <i>Monitoring location</i>	Đợt <i>Time</i>	Ký hiệu mẫu <i>Sample symbol</i>	Nhóm thông số 1: phương pháp phân tích vật lý <i>Parameter Group 1: Physical Analysis Method</i>		Nhóm thông số 2: phương pháp phân tích hoá học <i>Parameter Group 2: Chemical Analysis Method</i>				
				Độ ồn Noise	Bụi tổng Dust	CO	SO ₂	NO ₂	THC	HCHO
				dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
1	Khu vực cổng vào Khu nhà xưởng <i>The entrance area of JSC</i>	Ngày 15/6/2018 15 th Jun 2018	K1	58	0,11	2,40	0,050	0,036	KPH (MDL=0,137)	KPH (MDL=5x10 ⁻³)
2	Khu vực đầu Phân kỳ 1 – Khu nhà xưởng Giai đoạn 2 Area at starting Factory phase 2- stage 1	Ngày 15/6/2018 15 th Jun 2018	K2	54	0,16	3,50	0,063	0,041	KPH (MDL=0,137)	KPH (MDL=5x10 ⁻³)
3	Khu vực đầu Phân kỳ 2 – Khu nhà xưởng Giai đoạn 2 Area at starting Factory phase 2- stage 2	Ngày 15/6/2018 15 th Jun 2018	K3	63	0,20	3,12	0,055	0,028	KPH (MDL=0,137)	KPH (MDL=5x10 ⁻³)
4	Khu vực giữa Phân kỳ 2 –	Ngày	K4	56	0,14	2,98	0,054	0,036	KPH	KPH

Stt No	Ký hiệu điểm quan trắc <i>Monitoring location</i>	Đợt <i>Time</i>	Ký hiệu mẫu <i>Sample symbol</i>	Nhóm thông số 1: phương pháp phân tích vật lý <i>Parameter Group 1: Physical Analysis Method</i>		Nhóm thông số 2: phương pháp phân tích hoá học <i>Parameter Group 2: Chemical Analysis Method</i>				
				Độ ồn Noise	Bụi tổng Dust	CO	SO ₂	NO ₂	THC	HCHO
				dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
	Khu nhà xưởng Giai đoạn 2 Area at middle Factory phase 2- stage 2	15/6/2018 15 th Jun 2018							(MDL=0,137)	(MDL=5x10 ⁻³)
5	Khu vực cuối Phân kỳ 2 – Khu nhà xưởng Giai đoạn 2 Area at end Factory phase 2- stage 2	Ngày 15/6/2018 15 th Jun 2018	K5	59	0,13	2,60	0,069	0,041	KPH (MDL=0,137)	KPH (MDL=5x10 ⁻³)
6	Khu vực giữa Phân kỳ 1 & 2 – Khu nhà xưởng Giai đoạn 2 Area between Factory phase 1 and phase 2	Ngày 15/6/2018 15 th Jun 2018	K6	60	0,15	2,11	0,035	0,020	KPH (MDL=0,137)	KPH (MDL=5x10 ⁻³)
7	Khu vực cuối Phân kỳ 1 – Khu nhà xưởng Giai đoạn 2 Area at end Factory phase 2- stage 1	Ngày 15/6/2018 15 th Jun 2018	K7	69	0,23	2,75	0,078	0,055	KPH (MDL=0,137)	KPH (MDL=5x10 ⁻³)
8	Khu vực giữa Khu nhà xưởng Giai đoạn 1 & 2	Ngày 15/6/2018	K8	64	0,25	2,85	0,072	0,050	KPH (MDL=0,137)	KPH (MDL=5x10 ⁻³)

Stt No	Ký hiệu điểm quan trắc <i>Monitoring location</i>	Đợt <i>Time</i>	Ký hiệu mẫu <i>Sample symbol</i>	Nhóm thông số 1: phương pháp phân tích vật lý <i>Parameter Group 1: Physical Analysis Method</i>		Nhóm thông số 2: phương pháp phân tích hoá học <i>Parameter Group 2: Chemical Analysis Method</i>				
				Độ ồn Noise	Bụi tổng Dust	CO	SO ₂	NO ₂	THC	HCHO
				dBA	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³	mg/m ³
	Area between Factory phase 1 and phase 2	15 th Jun 2018								
9	Khu vực giữa Khu nhà xưởng Giai đoạn 1 Area Middle Factory phase 1	Ngày 15/6/2018 15 th Jun 2018	K9	59	0,20	2,63	0,050	0,026	KPH (MDL=0,137)	KPH (MDL=5x10 ⁻³)
	QCVN 05:2013/BTNMT QCVN 06:2009/BTNMT		-	-	0,3	30	0,35	0,2	5	0,02
	QCVN 26:2010/BTNMT		-	70	-	-	-	-	-	-

Ghi chú / Notes

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

QCVN 05: 2013 / BTNMT: National technical regulation on ambient air quality.

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

QCVN 26: 2010 / BTNMT: National Technical Regulation on noise.

Nhận xét / Comment

Kết quả quan trắc thành phần môi trường không khí xung quanh theo từng đợt quan trắc của Công ty tại các vị trí quan trắc cho thấy tất cả các chỉ tiêu tại thời điểm quan trắc đều đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTMT.

Observations of ambient air environment in each observation period of the company at monitoring sites showed that all indicators at the observation time met QCVN 05: 2013 / BTNMT, QCVN 06:2009 / BTNMT and QCVN 26: 2010 / BTMT.

Bảng PL2.2: Kết quả quan trắc thành phần môi trường nước thải

Stt No	Ký hiệu điểm quan trắc <i>Monitoring location</i>	Đợt quan trắc <i>Time</i>	Ký hiệu mẫu <i>Sample symbol</i>	Nhóm thông số 1: phương pháp phân tích vật lý <i>Parameter Group 1: Physical Analysis Method</i>		Nhóm thông số 2: phương pháp phân tích hoá học <i>Parameter Group 2: Chemical Analysis Method</i>					
				pH	TSS	BOD ₅	COD	Amoni	N tổng	P tổng	Coliforms
				-	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	MPN/ 100ml
1	Nước thải tại hố ga cuối Khu nhà xưởng Giai đoạn 1 trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Nhơn Trạch III, giai đoạn 2. <i>Wastewater at the manhole at the end of the Factory Phase 1 before being connected to the wastewater collection</i>	Ngày 06/4/2018 <i>06th Apr, 2018</i>	NT1	6,15	34	150	266	12,2	18,45	0,658	15.000
		Ngày 15/6/2018 <i>15th Jun, 2018</i>		6,85	49	114	185	8,94	12,34	0,851	9.200

	<i>system of Nhon Trach III IP, phase 2</i>										
2	Nước thải tại hố ga cuối Khu nhà xưởng Giai đoạn 2 trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Nhon Trach III, giai đoạn 2. <i>Wastewater at the manhole at the end of the Factory Phase 2 before connecting to the wastewater collection system of Nhon Trach III IP, phase 2</i>	Ngày 06/4/2018 <i>06th Apr, 2018</i>	NT2	6,89	42	90	144	4,66	10,02	0,285	8.400
Quy định về chất lượng nước thải đầu nối vào Trạm XLNTTT KCN NT3-GĐ2 Regulation on the quality of waste water connected to Waste water treatment Plant at NT3IP phase 2				5-9	200	200	400	15	60	8	20.000

Ghi chú: Tại thời điểm lấy mẫu ngày 15/6/2018, Khu nhà xưởng Giai đoạn 2 không phát sinh nước thải. Do đó, không quan trắc nước thải của Khu nhà xưởng Giai đoạn 2 tại thời điểm này.

Note: At the time of sampling on June 15, 2018, the Factory Phase 2 did not generate wastewater. Therefore, no wastewater monitoring of the Phase 2 Factory at this time.

Nhận xét: Kết quả quan trắc thành phần môi trường nước thải theo từng đợt quan trắc cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều đạt quy định đầu nối vào KCN Nhơn Trạch III, giai đoạn 2.

Comment: The results of observation of environmental components of waste water in each observation period show that all the analyzed criteria meet the requirements for connection to Nhon Trach III IP, phase 2.